TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 982/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Oanh

Ông Trần Quốc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến - Thư ký Tòa án án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2025/HNST ngày 24 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2188/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Bích N, sinh năm 1984; Cư trú tại Số B Khu phố A, phường T (phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Thanh N1, sinh năm 1978; Cư trú tại: Số A Khu phố B, phường T (phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú hiện nay: Số E đường Đ, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2025 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trương Bích N trình bày:

Bà và ông Phạm Thành N2 có tình cảm nên đã tìm hiểu và tự nguyện đến hôn nhân, trở thành vợ chồng từ năm 2007; có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số I/2007 tại UBND phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 9 năm 2007. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2024, bà và ông N2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gay gắt với nhau về quan điểm sống cũng như mọi mặt trong đời sống chung vợ chồng. Tuy nhiên, bà và ông N2 đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không thành về tính cách của cả hai vợ chồng quá khác nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. không còn khả năng đoàn tụ. Nên bà N đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông N2 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Bích N và ông Thanh N1 có 02 con chung là Phạm Trường H, sinh ngày 24/4/2007 (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Tiểu P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2009. Trong phần công khai chứng cứ, bà biết nguyện vọng của trẻ Tiểu P muốn được ở cùng cha là ông Phạm Thanh N1, ông N1 muốn trực tiếp nuôi con nên bà đồng ý giao con là Phạm Tiểu P cho ông Phạm Thanh N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Thành N2 trình bày: Ông và bà Trương Bích N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 9 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, ông và bà Bích N có 02 con chung là Phạm Trường H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2007 (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Tiểu P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2009. Cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Bích N thực sự phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà Bích N đã nhiều lần không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, nhiều lần phản bội ông đi theo người khác, không đem lại hạnh phúc cho gia đình. Vì vậy, ông Phạm Thanh N1 đồng ý ly hôn với bà Trương Bích N và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà N ly hôn;

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung là Phạm Trường H (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Tiểu P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2009, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ Phạm Tiểu P. Ông Phạm Thanh N1 không yêu cầu bà Trương Bích N cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Trương Bích N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N giữ

nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án. Ông Phạm Thanh N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N1 đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn và bà N và giao trẻ Phạm Tiểu P cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: 1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Bích N được ly hôn với ông Phạm Thanh N1. Về con chung: Giao trẻ là Phạm Tiểu P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2009 cho ông Phạm Thanh N1 và ghi nhận ông Phạm Thanh N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Bích N đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Thanh N1, sinh năm 1978; Cư trú tại: Số A Khu phố B, phường T (phường T, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú hiện nay: Số E đường Đ, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Trương Bích N khởi kiện ông Phạm Thanh

N1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho ông Phạm Thanh N1 và bà Trương Bích N, ông Phạm Thanh N1 và bà Trương Bích N làm đơn đề vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án. Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phạm Thanh N1 và bà Trương Bích N.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 125/2007 ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Bích N và ông Phạm Thành Nghĩa L hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi nhận lời khai của nguyên đơn, bị đơn thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa bà Trương Bích N và ông Phạm Thành N2 thực sự có mâu thuẫn, ông N2 và bà N đã không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân thường ngày nên hiện đã không còn cùng chung sống, mục đích của quan hệ hôn nhân không đạt được, ông N2 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy ông Phạm Thành N2 và bà Trương Bích N thuận tình ly hôn nên ghi nhận.

- Về con chung: Ông N2 và bà N có 02 con chung là Phạm Trường H (đã trưởng thành) và trẻ Phạm Tiểu P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2009, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ Phạm Tiểu P. Ông Phạm Thanh N1 không yêu cầu bà Trương Bích N cấp dưỡng nuôi con, xét nguyện vọng của trẻ Phạm Tiểu P muốn được ở cùng với cha là ông Phạm Thanh N1 và bà Trương Bích N đồng ý giao con chung là trẻ Phạm Tiểu P cho ông Phạm Thanh N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là trẻ Phạm Tiểu P cho ông Phạm Thanh N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Bích N phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 1 Điều 228 Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Bích N.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Bích N và ông Phạm Thanh N1 thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 125, Quyển số I/2007 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/9/2007 không còn hiệu lực.

2. Về con chung: Giao trẻ Phạm Tiểu P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2009 cho ông Phạm Thanh N1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận ông Phạm Thanh N1 không yêu cầu bà Trương Bích N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

Bà Trương Bích N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Trương Bích N phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005355 ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKS ND KV7 –TP . HCM;
- Đương sự;
- THA DS TP . HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã đóng dấu và ký tên)

Nguyễn Mạnh Hùng